| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC**<br>**Tỉnh Thanh Hóa** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 78/2021/QĐST-HNGĐ | *Hậu Lộc, ngày 20 tháng 4 năm 2021* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 57/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn" giữa:

*Nguyên đơn*: Anh Lưu Văn T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

*Bị đơn*: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các Điều 6, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2021.

## XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Anh Lưu Văn T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

*Bị đơn*: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

**2.** Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tài sản chung**:** Chị Đặng Thị T và anh Lưu Văn T đều thống nhất tài sản chung gồm có: 01 nhà ở cấp 4 lợp tôn diện tích xây dựng 70m$^2$ xây dựng năm 2008 trên diện tích đất 473 m$^2$ tại thửa đất số 797, tờ bản đồ số 21 bản đồ địa chính xã T đã được UBND huyện L cấp ngày 13/6/2019 cho anh Lưu Văn T và Đặng Thị T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 093405, số vào sổ cấp GCN: CH 01805. Trị giá 218.660.000 đồng (Hai trăm mười tám triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

Theo biên bản xem xét, thẩm định ngày 08/4/2021 qua đo đạc kiểm tra hiện trạng, cụ thể mốc giới như sau:

Về đất: Phía Nam giáp hộ bà Đặng Thị B thửa số 17, có chiều dài 15,32m, giáp hộ ông Phan Văn T thửa số 18 có chiều dài 16m; phía Bắc giáp đường xóm có chiều dài 33,07m; phía Đông giáp hộ ông Lê Văn P thửa số 15 có chiều dài 15,73m; phía Tây giáp hộ ông Nguyễn Văn K thửa số 796 có chiều dài 13,03m.

Về nhà ở: 01 nhà ở cấp 4 hướng đông, mái lợp tôn, tường xây gạch diện tích xây dựng 70m$^2$; xây dựng năm 2008.

- Hai bên thống nhất thoả thuận:

Giao cho anh Lưu Văn T sở hữu, sử dụng 01 nhà ở cấp 4 hướng đông, mái lợp tôn, tường xây gạch diện tích xây dựng 70m$^2$; xây dựng năm 2008 trị giá 20.000.000 đồng và diện tích đất 232m$^2$ ở phía Tây thửa đất; có tứ cạnh: Phía đông giáp thửa đất của chị Đặng Thị T chiều dài 15,71m; phía Tây giáp hộ ông Nguyễn Văn K thửa số 796, chiều dài 13,03m; phía Nam giáp hộ ông Phan Văn T thửa số 18, chiều dài 16m; phía Bắc giáp đường xóm chiều dài 16,53m. Trị giá 97.440.000 đồng. Tổng giá trị nhà và đất là 117.440.000 (Một trăm mười bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Giao cho chị Đặng Thị T sử dụng phần diện tích 241 m$^2$ ở phía Đông thửa đất, có tứ cạnh: phía Đông giáp hộ ông Lê Văn P thửa số 15 có chiều dài 15,73m; phía Tây giáp thửa đất của anh Lưu Văn T, chiều dài 15,71m; phía Nam giáp hộ bà Đặng Thị B thửa số 17, có chiều dài 15,32m; phía Bắc giáp đường xóm chiều dài 16,53m. Trị giá 101.220.000 đồng (Một trăm linh một triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Sau khi quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật hai bên có quyền đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo phần diện tích đã thoả thuận.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị T chịu 2.530.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá nghạch. Anh Lưu Văn T chịu 2.936.000.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 5.460.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0008241 ngày 19/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Anh T còn được nhận lại số tiền 2.524.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa.*
- *VKSND huyện Hậu Lộc.*
- *Chi cục THA L.*
- *UBND xã T.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**THẨM PHÁN**
(Đã ký)

**Cao Thị Nga**